TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 74/2023/DS-ST
Ngày 12 - 9 - 2023
V/v: "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Binh

Ông Đoàn Công Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023, về "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2023/QĐST-DS, ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số 109, đường Lê Hồng Phong, tổ 4, khu phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1976; giám đốc Công ty luật TNHH Lý Nguyễn và Cộng sự; địa chỉ: 69/9A, đường 48, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền lập ngày 16/02/2023)

- Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc O, sinh năm 1975 và ông Phan Việt D, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số 403, đường ĐT 766, tổ 3, thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; vắng mặt bà Lê Thị Ngọc O, ông Phan Việt D là bị đơn không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân L trình bày:

Vào ngày 17/5/2019, giữa bà Lê Thị L và bà Lê Thị Ngọc O đã chốt số lượng cám đã nhận do bà L đã bán cám chăn nuôi heo cho bà O, và được tính thành tiền mà bà O phải thanh toán tiền cám cho bà L là 167.600.000 đồng. Sau đó bà O có thanh toán cho bà L 02 đợt với số tiền 7.000.000 đồng; cụ thể bà O thanh toán số tiền 3.000.000 đồng vào ngày 04/01/2020 và bà O có thanh toán thêm cho bà L số tiền 4.000.000 đồng vào ngày 29/9/2020. Đến ngày 25/02/2023, bà O xác nhận khoản nợ còn lại là 160.600.000 đồng. Mặc dù từ ngày chốt nợ là ngày 17/5/2019 cho đến nay, bà L đòi nợ nhiều lần nhưng bà O không chịu thanh toán tiền nợ cám còn lại. Nay, bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Ngọc O và ông Phan Việt D cùng liên đới phải thanh toán cho bà Lê Thị L số tiền 224.449.742 đồng, trong đó nợ gốc 160.600.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 24/4/2023 là 63.849.742 đồng; ngoài ra bà O và ông D còn phải chịu lãi phát sinh từ ngày 25/4/2023 theo lãi suất 10%/năm cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc trên.

Theo lời khai của bị đơn bà Lê Thị Ngọc O trình bày:

Vào ngày 17/5/2019, giữa bà O với bà Lê Thị L đã chốt số lượng cám do bà L đã bán cám chăn nuôi heo cho bà O, và được tính thành tiền mà bà O phải thanh toán tiền cám cho bà L là 167.600.000 đồng. Sau đó bà O có thanh toán cho bà L 02 lần với số tiền 7.000.000 đồng; bà O xác nhận khoản nợ còn lại là 160.600.000 đồng. Nay, vợ chồng bà O xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho bà L, cho đến khi trả hết số nợ tiền cám là 160.600.000 đồng; còn tiền lãi 63.849.742 đồng thì bà O xin bà L miễn tính cho vợ chồng bà vì khó khăn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L; tuyên xử: Buộc bà Lê Thị Ngọc O và ông Phan Việt D cùng liên đới phải trả cho bà bà Lê Thị L số tiền 169.343.000 đồng; trong đó số tiền nợ 160.600.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 8.743.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Theo đơn khởi kiện, chứng cứ do các đương sự cung cấp, quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa xác định quan hệ cần giải quyết "Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ thanh toán" là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Ngọc O và ông Phan Việt D là trường hợp đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với bị đơn:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Lê Thị Ngọc O và ông Phan Việt D cùng liên đới phải thanh toán cho bà L số tiền nợ cám 160.600.000 đồng. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ qua các giấy xác nhận nợ do nguyên đơn cung cấp; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án đối với bị đơn bà Lê Thị Ngọc O đã thừa nhận việc còn nợ tiền cám của bà Lê Thị L số tiền 160.600.000 đồng. Đây là sự kiện pháp lý không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ đó, Hội đồng xét xử nghĩ cần buộc bà Lê Thị Ngọc O phải và ông Phan Việt D có nghĩa vụ liên đới cùng thanh toán tiền nợ cám cho bà Lê Thị L số tiền 160.600.000 đồng là phù hợp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tính lãi:

Việc nguyên đơn bà L yêu cầu bị đơn bà O và ông D cùng liên đới phải thanh toán cho bà L tiền lãi chậm trả tính từ ngày chốt nợ là ngày 26/02/2023 đến ngày 12/9/2023 xét xử sơ thẩm là 6 tháng 16 ngày x 160.600.000 đồng x 10%/năm = 8.743.000 đồng; Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về mức lãi suất 10%/năm là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận để tính lãi chậm trả đối với bị đơn về số tiền nợ cám cho nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp điều luật như đã viện dẫn trên.

[2.3] Về nghĩa vụ liên đới: Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 20 Điều 3, Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ, chồng phải có nghĩa vụ liên đới trong trường hợp vợ hoặc chồng thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên buộc ông Phan Việt D là chồng của bà Lê Thị Ngọc O phải có nghĩa vụ liên đới cùng thanh toán tiền nợ cám cho bà L số tiền 160.600.000 đồng và tiền lãi do chậm trả 8.743.000 đồng là phù hợp.

[3] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên cần trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy phù hợp, có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

1. Buộc bà Lê Thị Ngọc O và ông Phan Việt D cùng liên đới phải trả cho bà Lê Thị L số tiền 169.343.000 đồng; trong đó số tiền nợ 160.600.000 đồng và tiền lãi là 8.743.000 đồng.

Kể từ ngày bà Lê Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì bà Lê Thị Ngọc O và ông Phan Việt D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị L không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị L số tiền 5.611.000 đồng (Năm triệu sáu trăm mười một ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015062, ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Bà Lê Thị Ngọc O và ông Phan Việt D liên đới phải chịu 8.467.000 đồng (Tám triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nộp án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (12/9/2023); đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được tống đạt hợp lệ bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- C.C. THA.DS huyện Đức Linh;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quý